TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:45/2018/DSST.
Ngày: 18-10-2018.
(V/v yêu cầu chia di sản thừa kế)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Vinh, ông Lê Cảnh Tứ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên .

Ngày 18/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 46 /2017/TLST- DS ngày 21/12/2017 về việc "Tranh chấp chia thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số17/2018/QĐXX- ST ngày 02/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị K- sinh năm 1960

Địa chỉ: số nhà 25, ngõ 39, đường X, khối X, phường Q, thành phố V,tỉnh Nghệ An Có mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Công T- sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1951

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2- Bà Nguyễn Thị C- sinh năm 1958

Địa chỉ: tổ dân phố số 6, phường T, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk.Vắng mặt.

3- Anh Nguyễn Công C- sinh năm 1966.

Địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4- Chị Nguyễn Thị Đ- sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5- Anh Nguyễn Công Đ- sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

6- Chị Nguyễn Thị Ng- sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 13, xã P, huyện K, tỉnh Đắc Lắc. Vắng mặt.

7- Chị Nguyễn Thị N- sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

8- Anh Nguyễn Công Ư- sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

9- Anh Nguyễn Công Tr- sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đề ngày 02/10/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bố mẹ của bà là cụ ông Nguyễn Công H và cụ bà Hoàng Thị M (còn có tên khác là Nguyễn Thị H). Cụ H và cụ M sinh sống trên thửa đất tại xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ Tĩnh từ trước những năm 1980, được kê khai và sử dụng ổn định và đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSD đất) số 119 QSDĐ ngày 3/2/1995 mang tên cụ Nguyễn Công H và cụ Nguyễn Thị H. Đó là thửa số 670, tờ bản đồ số 01 có diện tích 666m2, bản đồ 299- hiện nay theo số liệu đo đạc mới năm 2017 là thửa 54, tờ bản đồ số 17, diện tích 923,2m2

Cụ H mất năm 1995; Cụ M mất năm 2004.

Cụ H và cụ M có 4 người con đẻ (không có con nuôi, con riêng nào) gồm:

1. Ông Nguyễn Công H (mất năm 2011) có vợ là bà Nguyễn Thị T và có 4 người con gồm: Nguyễn Công C; Nguyễn Công T; Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Công Đ.

2. Ông Nguyễn Công T (mất năm 2013) có vợ là bà Nguyễn Thị H và có 4 người con gồm: Nguyễn Thị Ng; Nguyễn Thị N; Nguyễn Công Ư; Nguyễn Công Tr.

3. Bà Nguyễn Thị C- sinh năm 1958.

4. Bà Nguyễn Thị K- sinh năm 1960.

Cụ H và cụ M mất không để lại di chúc. Di sản để lại là 923,2m2 đất tại xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi cụ H mất, năm 1998- anh Nguyễn Công T

đã vào làm nhà ở tại khoảng 1/2 diện tích đất này, 1/2 đất còn lại do bà Nguyễn Thị H trực tiếp trồng trọt hoa màu

Nay bà Nguyễn Thị K làm đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là thửa đất nói trên. Cụ thể, bà xin hưởng 1/4; bà Nguyễn Thị C 1/4; các con ông H 1/4 và các con ông T 1/4; Bà cũng đồng ý hỗ trợ một khoản tiền theo quy định của pháp luật cho anh Nguyễn Công T trong trường hợp chia cắt đất phải tháo dỡ phần tài sản nào của anh T cũng như hỗ trợ công tôn tạo, gìn giữ đất trước nay.

Phía bị đơn anh Nguyễn Công T trình bày: đối với nguồn gốc thửa đất anh nhất trí như lời khai của bà K. Đây là tài sản mà ông bà nội anh để lại và cũng chưa được phân chia. Anh đồng ý phân chia thửa đất theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng anh nại rằng trong thời gian qua, bản thân anh đã xây dựng nhà cửa, tôn tạo đất, đắp bồi ao lấy mặt bằng. Anh đồng ý chia đất làm 4 phần, phần của bố mẹ anh là Nguyễn Công H, Nguyễn Thị T và các anh em là anh C, anh Đ, chị Đ nhường cho anh thì anh xin nhận nhưng đề nghị Tòa án giao cho anh phần đất có gắn liền với nhà anh đã xây dựng và tính toán chi phí của anh bỏ ra để buộc phía nguyên đơn và những người được hưởng thừa kế khác đền bù cho anh 60.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị C cũng thừa nhận nội dung nguồn gốc đất như bà K trình bày, bà cũng nhất trí xin được hưởng 1/4 thửa đất như đã nêu trong bản tự khai và cũng đồng ý hỗ trợ cho anh T một khoản tiền tháo dỡ tài sản, bà không nhất trí đền bù 60.000.000 đồng như anh T yêu cầu vì cho rằng anh T tự ý vào làm nhà ở không được sự đồng ý của mọi người.

Bà Nguyễn Thị H và các con là Nguyễn Thị Ng; Nguyễn Thị N; Nguyễn Công Ư; Nguyễn Công Tr cũng công nhận lời khai của bà K về nguồn gốc thửa đất hoàn toàn đúng. Sau khi các cụ mất, bà sử dụng khoảng 1/2 thửa đất để trồng hoa màu từ đó đến nay. Nay chồng bà đã mất, các con nhất trí nhường lại toàn bộ quyền sử dụng phần đất mà Tòa án phân chia cho chồng bà cho bà toàn quyền sử dụng, bà cũng nhất trí.

Bà Nguyễn Thị T (đã mất ngày 19/9/2018) cùng các con là Nguyễn Công C; Nguyễn Công T; Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Công Đ cũng trình bày trong bản tự khai nhất trí về nguồn gốc thửa đất như lời khai của nguyên, bị đơn. Tuy nhiên, họ cho rằng anh Nguyễn Công T vào ở trên thửa đất đó có công lao gìn giữ, tôn tạo đất nên yêu cầu được đền bù là hợp lí. Bản thân bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án có lời khai nhưng bà đã mất trước khi mở phiên tòa. Tuy nhiên, ý kiến của bà thể hiện bà cũng như các anh em ruột của anh T nhất trí nhượng lại quyền sử dụng đất kỉ phần bố họ được hưởng cho anh Nguyễn Công T. Trường hợp bà T mất, các con của bà trở thành người đại diện theo pháp luật cho bà trong vụ án, tuy nhiên bà T đã có lời khai thể hiện ý chí của bà, sự thay đổi này không làm thay đổi bản chất vụ việc, không phát sinh sự kiện pháp lý mới nên Tòa án giữ nguyên tư cách tham gia tố tụng của con cái bà T.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp. Cụ thể:

+ Thửa đất được cấp GCN QSD mang tên cụ Nguyễn Công H và cụ Nguyễn Thị H là thửa số 670, tờ bản đồ số 01, có diện tích 766m2 đã được Ủy ban nhân dân

huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 199 QSDĐ ngày 3/2/1995. Theo số liệu đo đạc mới thì đây là thửa số 54, tờ bản đồ số 17 có diện tích 923,2m2 tại xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An với 200m2 đất ở và 723,2m2 đất vườn trị giá 191.130.000 đồng.(800.000đ/m2 đất ở; 55.000đ/m2 đất vườn)

Tài sản trên đất gồm có:

1. Nhà chính: 19.717.000 đồng
2. Công trình phụ:

- Nhà bếp: 2.664.000 đồng.
- Chuồng lợn: hết giá trị sử dụng
- Sân láng xi măng: 2.286.000 đồng
- Dàn tôn: 11.308.000 đồng.
- Thùng đựng nước: 2.860.000 đồng
- Bờ tường quanh sân: 627.000 đồng.
- Bờ tường lối ra vào cổng: 730.000 đồng.
- Trụ cổng: 1.272.000 đồng.
- Cánh cổng: 1.417.000 đồng
- Dàn khung trên lối ra cổng: 661.000 đồng.
- Tường rào: 2.610.000 đồng.
- Giếng khoan: 647.000 đồng.
- 01 thùng đựng nước: 185.000 đồng.
- Máng tôn: 446.000 đồng.
- Mương nước thải: 3.835.000 đồng.
- Cột bê tông: 13 cột trị giá 1.560.000 đồng.
- Cây ăn quả:

Cây có quả:

+ Ổi, khế, chanh: 7 cây trị giá 1.400.000 đồng.

+ Thanh long: 10 cây trị giá 1.000.000 đồng.

Cây chưa có quả:

+ Thanh long: 03 cây trị giá 15.000 đồng.

+ Bưởi: 01 cây trị giá 100.000 đồng

+ Na xiêm, chanh, bưởi nhỏ: 5 cây trị giá 125.000 đồng.

+ Mít: 01 cây trị giá 10.000 đồng

+ Nhãn: 02 cây trị giá 340.000 đồng

+ Na, ổi: 02 cây trị giá 50.000 đồng.

+ Mía: 06 bụi trị giá 8.000 đồng.

+ Chuối có buồng 02 cây trị giá 50.000 đồng.

+ Chuối không buồng 04 cây trị giá 400.000 đồng

+ Đậu bắp 02 m2 trị giá 12.000 đồng

+ Nghệ 01m2 trị giá 4.000 đồng.

+ Khoai lặn 6m2 trị giá 15.000 đồng.

Trị giá tài sản: 56.340.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Đây là tranh chấp về chia di sản thừa kế được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự, lập hồ sơ đầy đủ, đúng pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, xây dựng hồ sơ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xem xét phân chia khối di sản thừa kế là 923,2m2 đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền : Bà Nguyễn Thị K làm đơn khởi kiện đề nghị phân chia di sản thừa kế do bố mẹ là cụ Nguyễn Công H, cụ Hoàng Thị M đã chết để lại là thửa đất số 670, tờ bản đồ số 01, có diện tích 766m2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 199 QSDĐ ngày 3/2/1995 nay theo số liệu đo đạc mới là thửa số 54, tờ bản đồ số 17 có diện tích 923,2m2 tại xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Trong GCN QSD đất ghi tên Nguyễn Công H và Nguyễn Thị H; các đương sự thừa nhận cụ Nguyễn Thị H và Hoàng Thị M là 1 người). Phần tài sản này do anh Nguyễn Công T đang quản lý nên bị đơn là anh Nguyễn Công T. Vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 bộ luật Tố tụng Dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lí giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Công H mất năm 1995, cụ Hoàng Thị M mất năm 2004. Căn cứ vào quy định tại điều 623 bộ luật Dân sự 2015 khối di sản này vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện chia thừa kế .

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập đương sự; thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập phiên Tòa, giao quyết định đưa vụ án ra xét xử

hợp lệ cho phía bị đơn anh Nguyễn Công T nhưng anh vẫn không chấp hành, vì vậy, căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 228 bộ luật Tố tụng Dân sự- Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc đưa vụ án ra xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

{2}. Về nội dung:

2.1. Về người thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận 2 cụ H và cụ M có 4 người con trong hàng thừa kế thứ nhất là: ông Nguyễn Công H; ông Nguyễn Công T; bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1958) và bà Nguyễn Thị K (sinh năm 1960). Như vậy, cụ H, cụ M có 4 người trong diện được hưởng chia di sản thừa kế là ông H, ông T, bà C, bà K.

Ông Nguyễn Công H (mất năm 2011) có vợ là bà Nguyễn Thị T (bà T mất ngày 19/9/2018) có 4 người con chung thuộc hàng thừa kế, thừa kế thế vị gồm Nguyễn Công C; Nguyễn Công T; Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Công Đ.

Ông Nguyễn Công T (mất năm 2013) có vợ là bà Nguyễn Thị H có 4 người con thuộc hàng thừa kế thế vị gồm Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị N, Nguyễn Công Ư, Nguyễn Công T.

Nội dung này phù hợp với lời khai cũng như các văn bản xác minh, tài liệu do Tòa án thu thập được trong hồ sơ, các đương sự đều thừa nhận và không ai có ý kiến phản đối- do đó là chứng cứ đúng, thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Do ông H, bà T đều đã mất nên 4 người con là người được hưởng một phần di sản trong khối tài sản do cụ H, cụ M để lại. Tuy nhiên, anh C, chị Đ và anh Nguyễn Công Đ cũng như bà T trước đây, đều nhất trí giao, nhường toàn bộ kỉ phần tài sản thừa kế mà mình được hưởng cho anh Nguyễn Công T, anh T cũng nhất trí nhận. Do vậy, người nhận tài sản thừa kế thay thế cho ông H là anh Nguyễn Công T. Do ông T đã mất nên 4 người con là người được hưởng kỉ phần của ông T trong khối tài sản do cụ H, cụ M để lại. Tuy nhiên, chị Ng, chị N, anh Ư, anh Tr và bà Nguyễn Thị H đều nhất trí giao, nhường toàn bộ kỉ phần tài sản thừa kế mà mình được hưởng cho bà Nguyễn Thị H, bà H cũng nhất trí nhận. Do vậy, người nhận tài sản thừa kế thay thế cho ông Nguyễn Công T là bà Nguyễn Thị H.(Điều 651, 652, 660 bộ luật Dân sự 2015).

Nguyện vọng trên của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với đạo đức, không trái với pháp luật nên cần chấp nhận.

2.2. Về di sản thừa kế: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K, bị đơn là anh Nguyễn Công T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận thửa đất để lại của cụ Nguyễn Công H, cụ Nguyễn Thị H là thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1995 với diện tích 766m2 đất ở và đất vườn thuộc thửa số 670, tờ bản đồ số 01 tại xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đến năm 2017, qua khảo sát, đo đạc lại thì nó là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 17, diện tích 923,2m^2 gồm 200m^2 đất ở, 723,2m^2 đất vườn. Về diện tích biến động là do sai số trong đo đạc chứ không phải do có việc mua bán, chuyển nhượng... Nội dung này

cũng thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Như vậy, theo yêu cầu của nguyên đơn và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là để phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật là 923,2m2 đất là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: trong đơn khởi kiện, bà K yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H, cụ M là diện tích 766m2 nay thực tế đo đạc lại thì diện tích thửa đất là 923,2m2 đất tại xóm 1, xã N cho 4 người con của 2 cụ, mỗi người được quyền sử dụng 1/4 thửa đất; Thửa đất này có tứ cận phân định rõ ràng nên toàn bộ diện tích này là di sản thừa kế. Lẽ ra cần chia thửa đất ra làm 4 phần bằng nhau chia cho mỗi người. Tuy nhiên: Xét trình bày của bị đơn anh Nguyễn Công T cho rằng thửa đất trên mặc dù có nguồn gốc của cụ H, cụ M nhưng anh có công sức tôn tạo đất; mua đất lấp ao, làm dàn tôn, tường rào và trồng cây ăn quả....nên anh dù đồng ý chia thửa đất trên làm 4 phần nhưng yêu cầu những người được hưởng phải trích trả cho anh 60.000.000 đồng tiền công sức của anh. Yêu cầu này của anh Nguyễn Công T là có cơ sở. Bởi lẽ, mặc dù thửa đất trên là di sản thừa kế của cụ H, cụ M. Việc phân chia, cho, tặng hay chuyển nhượng...phải được sự thống nhất của tất cả những người có quyền thừa kế. Nhưng trong quá trình sinh sống trên thửa đất, bản thân anh T đã bỏ ra rất nhiều công sức, tiền bạc để đắp ao, xây dựng hàng rào, bảo vệ khuôn viên thửa đất, tôn tạo, bảo quản đất để ở...Việc anh xây dựng nhà cửa, dàn tôn, hàng rào là nhằm ổn định cuộc sống của mình nhưng cũng là để mảnh đất không bị hoang phế, giữ nguyên và tăng thêm giá trị cho thửa đất. Mặt khác, khi anh vào ở nhiều năm, các đồng thừa kế đều biết nhưng không phản đối; Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu trên nhưng trích chia phần công sức cho anh bằng hiện vật. Chia cho anh phần đất có diện tích lớn hơn để không phải tháo dỡ công trình kiến trúc đang ổn định, buộc anh T tháo dỡ, bốc dời cây cối, tài sản trên phần đất chia cho các thừa kế khác là phù hợp. Về phần bà Nguyễn Thị H cũng là người có sản xuất, trồng trọt hoa màu trên 1/2 thửa đất. Tuy nhiên, qua việc trồng trọt, sản xuất bà cũng đã được thu hoa lợi, lợi tức nên bà không yêu cầu gì về nội dung này; Ý chí của bà là tự nguyện nên trình bày của bà được chấp nhận. Vì các lẽ trên cần chia thửa đất ra 04 phần có diện tích không đều nhau. Phần diện tích rộng nhất, bao gồm toàn bộ công trình kiến trúc của anh Nguyễn Công T khoảng 289m2. Phần trước mặt nhà anh T 193,5m2, hai phần còn lại có khoảng 220m2. Thửa đất có nhà cửa...giao cho anh T có diện tích chênh lệch lớn hơn khoảng 70 m2 so với các thửa khác chính là phần trích chia công sức bảo quản, tôn tạo của anh T từ trước đến nay; Thửa đất trước mặt nhà anh T nhỏ hơn 2 thửa còn lại vì nó có mặt đường lớn hơn và đường đã lưu thông được. Hai mảnh còn lại do có mặt đường nhỏ hơn nên được trích chia diện tích lớn hơn. Như vậy, sự phân chia như trên là hoàn toàn phù hợp về tình và lý.

Đối với yêu cầu của anh C, chị Đ, anh Đ yêu cầu Tòa án buộc bà K, bà C và bà H phải trích trả cho anh T 60.000.000 đồng- như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này mà chỉ chấp nhận trích chia phần công sức bằng diện tích đất chênh lệch như trên.

Về vị trí đất phân chia cho từng người:

Thửa đất được phân chia thành 4 thửa cụ thể: thửa M1 có diện tích 288,9m2 (gồm 50m2 đất ở, 238,9m2 đất vườn) trị giá 53.139.000 đồng là diện tích có toàn bộ

tài sản gồm nhà, dàn tôn, cổng...anh Nguyễn Công T đang ở cần được giao cho anh T; Thửa đất M2 có diện tích 220,3m2 (gồm 50m2 đất ở, 170,3m2 đất vườn) trị giá 49.366.500 đồng giao cho bà Nguyễn Thị C; Thửa M3 có diện tích 220,5m2 (gồm 50m2 đất ở, 170,5m2 đất vườn) trị giá 49.377.500 đồng giao cho bà Nguyễn Thị K; Thửa M4 có diện tích 193,5m2 (gồm 50m2 đất ở, 143,5m2 đất vườn) trị giá 47,892.500 đồng giao cho bà Nguyễn Thị H.

Tuy nhiên, bà K, bà C là những người có quan hệ thân thích với anh T, bà Hnên qua thỏa thuận với nhau, bà Nguyễn Thị K thay mặt bà Nguyễn Thị C tự nguyện hỗ trợ thêm cho anh T, bà H mỗi người một khoản tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu). Đây là sự thể hiện tình cảm cũng như tạo điều kiện cho anh T trong việc di dời cây cối, ổn định nơi ăn ở, cần được ghi nhận. Đối với bà Nguyễn Thị H không có mặt tại phiên tòa, chưa có ý kiến về việc có nhận hay không nhưng đây là quyền lợi và không ảnh hưởng xấu đến việc phân chia di sản nên cần ghi nhận, việc bà nhận hay không nhận khoản tiền hỗ trợ này sẽ được giải quyết trong quá trình thi hành bản án.

Về án phí: Theo quy định tại điều 26 NghịQuyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các đương sự phải chịu án phí đối với trị giá tài sản mà mình được phân chia. Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H đều trên 60 tuổi nên được xét miễn án phí chia tài sản.

Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 609; 611; 612; 613; 618; 621; 623; 649; 650; 652 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ luật Người Cao tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về Lệ phí, án phí Tòa án;

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

Phân chia di sản thừa kế là 923,2m2 đất thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 17 gồm 200m^2 đất ở, 723,2m^2 đất vườn mang tên cụ Nguyễn Công H, cụ Nguyễn Thị H (tên gọi khác là Hoàng Thị M) đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 119 QSDĐ ngày 3/2/1995 tại xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An như sau:

1.1. Giao cho anh Nguyễn Công T được quyền sử dụng 288,9 m2 đất gồm 50m2 đất ở, 238,9 m2 đất vườn trị giá 53.139.000 đồng tại ô số M1 có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa M4 dài 19,94m

+ Phía Tây giáp thửa 55 dài 19,71 m

+ Phía Nam giáp đường liên thôn dài 15,1m

+ Phía Bắc giáp thửa M2 dài 11,87m và giáp thửa M3 dài 2,25 m cùng các tài sản trên gắn liền trên diện tích đất này; Buộc anh Nguyễn Công T phải tự tháo dỡ, bốc chuyển các tài sản, vật kiến trúc, cây trồng nằm ngoài phần diện tích đất chia cho anh thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 17 tại xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được phân chia cho những người thừa kế khác.

Anh Nguyễn Công T được nhận 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền hỗ trợ từ bà Nguyễn Thị K.

1.2. Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 193,5 m2 đất gồm 50m2 đất ở, 143,5m2 đất vườn trị giá 47,892.500 đồng tại ô số M4 có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa 133 dài 20,05m

+ Phía Tây giáp thửa M1 dài 19,94m

+ Phía Nam giáp đường liên thôn dài 9,71m

+ Phía Bắc giáp thửa M3 dài 9,71m và được nhận 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền hỗ trợ từ bà Nguyễn Thị K.

1.3 Giao cho bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng 220,5 m2 đất gồm 50m2 đất ở, 170,5 m2 đất vườn trị giá 49,377.500 đồng tại ô số M3 có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa 133 dài 19,10 m

+ Phía Tây giáp thửa M2 dài 19,04 m

+ Phía Nam giápthửa M4 dài 9,71m và giáp thửa M1 2,25 m

+ Phía Bắc giáp đường liên thôn dài 11,27 m

Bà Nguyễn Thị Kiệm có nghĩa vụ hỗ trợ cho anh Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị H mỗi người 10.000.000 đồng.

- Giao cho bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng 220,3 m2 đất gồm 50m2 đất ở, 170,3 m2 đất vườn trị giá 49,366.500 đồng tại ô số M2 có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa M3 dài 19,04 m

+ Phía Tây giáp thửa 36 dài 11,40m và giáp thửa 55 dài 7,61 m

+ Phía Nam giáp thửa M1 dài 11,87 m

+ Phía Bắc giáp đường liên thôn dài 11,42 m.

(Có sơ đồ chia đất ban hành kèm theo bản án.)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

-Về án phí:

Bà Nguyễn Thị K phải chịu 2.468.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 3.280.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 000603 ngày 18/12/2017 của chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghi Lộc; Trả lại cho bà K 812.000 đồng.

Anh Nguyễn Công T phải chịu 3.157.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí chia tài sản cho bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKS ND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện Nghi Lộc;
- L- u hồ sơ.

T/M H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Loan Hòa